TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 6 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH LÀO CAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Bình và ông Hồ Trọng Trung.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bàn Phúc T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị C – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

2. Bị đơn Chị Đặng Thị M, sinh năm 1990

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Thôn Đ, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2025; bản tự khai ngày 20 tháng 3 năm 2025; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn anh Bàn Phúc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Phúc T và chị Đặng Thị M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ giữa năm 2011, không đăng ký kết hôn, có cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đến ngày 18/02/2019, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh, bất đồng về quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái nên vợ

chồng hay xảy ra cãi vã cùng nhiều mâu thuẫn khác trong đời sống chung, không thể giải quyết được. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu năm 2022, vợ chồng anh tiếp tục cãi nhau nên đã sống ly thân. Thực tế từ năm 2022 đến nay anh chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Hai bên gia đình có khuyên giải nhưng không có kết quả gì. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có cách nào hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị M để sớm ổn định cuộc sống của cả hai người.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Bàn Phúc T và chị Đặng Thị M có một người con chung là cháu Bàn Thị Minh N, sinh ngày 05/4/2012. Từ khi vợ chồng anh T sống ly thân thì chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến nay. Khi ly hôn, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu N là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Anh Bàn Phúc T làm nghề trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập trung bình được 3.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình chung sống, anh Bàn Phúc T và chị Đặng Thị M không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ gì nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Tòa án áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên chấp nhận yêu cầu của anh Bàn Phúc T.

- Về hôn nhân: Anh Bàn Phúc T được ly hôn với chị Đặng Thị M

- Về con chung: Chị Đặng Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Thị Minh N đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng

Về án phí: Anh T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh T.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Ý kiến của bị đơn chị Đặng Thị M: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Đặng Thị M nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì chị M không có ý kiến gì; chị M vắng mặt khi Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Ngày 10/6/2025 và ngày 18/6/2025 chị M đã gửi đơn đề nghị đến Tòa án trình bày như sau: Chị M đã nhận được tất cả các giấy tờ của Tòa án gửi cho chị, chị rất bận công việc cá nhân, phải đi làm để kiếm tiền nuôi con, chị làm ở công ty rất khó xin nghỉ, rất khó nghe điện thoại. Chị và con gái tôi đã về ở cùng với mẹ đẻ của chị tại thôn K, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai từ năm 2022 đến nay, con gái chị M cũng học tại trường cấp 1,2 ở xã D, huyện V từ

năm lớp 4 đến nay là lớp 7 và từ lúc đó anh T không gửi tiền để nuôi con. Chị M vẫn chưa đồng ý ly hôn với anh T bởi anh T vẫn cố chấp không chia tài sản.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh T ly hôn với chị M thì chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và chị M yêu cầu anh Bàn Phúc T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Chị M đi làm thuê được 7.000.000 đồng/tháng; tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng nên Mấy đủ điều kiện nuôi con.

Đơn khởi kiện anh T trình bày là đúng. Chị M không có ý kiến gì. Chị M bận đi làm ở công ty nên không nghe điện thoại được. Chị M xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa của Tòa án. Các văn bản Tòa án cần gửi cho chị M thì Tòa án giao cho mẹ đẻ của chị M là bà Triệu Thị C1, sinh năm 1961. Chị M hiện nay đã ở ổn định với mẹ đẻ của chị tại thôn K, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

3. Ý kiến của con chưa thành niên: Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 24/3/2025, cháu Bàn Thị Minh N trình bày, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bàn Phúc T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với chị Đặng Thị M có địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai và có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Bàn Phúc T và chị Đặng Thị M là hợp pháp. Anh Bàn Phúc T và chị Đặng Thị M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ giữa năm 2011, không đăng ký kết hôn, có cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đến ngày 18/02/2019, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái nên vợ chồng hay xảy ra cãi chửi nhau, cùng nhiều mâu thuẫn khác trong đời sống chung, không thể giải quyết được. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu năm 2022, vợ chồng anh tiếp tục cãi nhau, chị M đưa con về chung sống cùng mẹ đẻ tại thôn K, xã D, huyện V từ năm 2022 đến nay. Thực tế từ năm 2022 đến nay anh chị sống ly thân, không

quan tâm gì đến nhau nữa. Hai bên gia đình có khuyên giải nhưng không có kết quả gì. Mâu thuẫn vợ chồng đã được anh T và chị M xác nhận, được chính quyền địa phương xác nhận tại đơn đề nghị xác nhận ngày 24/3/2025 của anh Bàn Phúc T và Giấy xác nhận ngày 24/3/2025. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có cách nào hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị M. Chị Đặng Thị M chưa nhất trí ly hôn với anh T vì anh T cố chấp chưa chia tài sản.

Nhận thấy, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu từ năm 2022 đến nay, bản thân chị M không có cách nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị M nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì chị M không có ý kiến gì; chị M vắng mặt khi Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, cho thấy chị M bỏ mặc, thờ ơ, không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của anh chị. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Bàn Phúc T được ly hôn với chị Đặng Thị M.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, anh Bàn Phúc T và chị Đặng Thị M có có một người con chung là cháu Bàn Thị Minh N, sinh ngày 05/4/2012. Từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân thì chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến nay. Khi ly hôn, anh T và chị M đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cháu N có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Bàn Thị Minh N cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị M yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng; anh T đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi cháu N là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nhận thấy, tại đơn đề nghị ngày 26/02/2025 của anh Bàn Phúc T thì Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai xác nhận anh T làm nghề trồng trọt, chăn nuôi tại gia đình có mức thu nhập khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Tại Giấy xác nhận ngày 24/3/2025 thì trưởng thôn Khuân Đ và Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai xác nhận mức nuôi dưỡng cháu N là 2.000.000 đồng/tháng nên anh T yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu N là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh Bàn Phúc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Bàn Thị Minh N là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh T là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đề nghị được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ nên anh T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Bàn Phúc T và chị Đặng Thị M. Quan hệ hôn nhân của anh Bàn Phúc T và chị Đặng Thị M chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Bàn Thị Minh N, sinh ngày 05/4/2012 cho chị Đặng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Bàn Phúc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Bàn Thị Minh N là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Bàn Phúc T.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Người BVQ&LIHP của nguyên đơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện V(2);
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã N,
huyện V, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện V (2);
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã Nàn Sán
và UBND xã Quan Hồ Thẩn,
huyện V, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sầm Thị Tươi